

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 7 năm 2024
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH S

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phạm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S tham gia phiên tòa: Bà Phạm

Ngọc Hoa- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh S tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị N, sinh năm 1999,
ĐKHKT: tổ 56B, khu 6A, phường N, thành phố V, tỉnh S.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Chí L, sinh năm 1999,
ĐKHKT: tổ 56B, khu 6A, phường N, thành phố V, tỉnh S.

Hiện nay đang ở nước ngoài.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971;

ĐKHKT: tổ 56B, khu 6A, phường N, thành phố V, tỉnh S.
(Chị N, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hà Thị N trình bày: chị và anh Nguyễn Chí L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 17/5/2019 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Việt Trì, tỉnh S. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Năm 2023 anh L đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, từ đó đến nay giữa anh chị thường xuyên xảy

ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Chí L.

Về con chung: chị Hà Thị N xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn G, sinh ngày 26/10/2019 và cháu Nguyễn Minh C, sinh ngày 13/9/2021. Sau khi ly hôn chị N đề nghị Tòa án giao cháu G cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu C cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Trong thời gian anh L ở nước ngoài chị N đề nghị Tòa án tạm giao cháu G cho bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ anh L) chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản, công nợ chung: chị N và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: chị Hà Thị N xin tự nguyện chịu toàn bộ.

- Phía bị đơn anh Nguyễn Chí L hiện nay đang ở nước ngoài, chị N trình bày hiện nay anh không biết địa chỉ cụ thể của anh L tại nước ngoài nên anh không thể cung cấp địa chỉ của anh L cho Tòa án được. Chị N đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh L ở nước ngoài thông qua mẹ đẻ của anh L là bà Nguyễn Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Chí L, Hiện nay anh L đang ở Nhật Bản, bà H vẫn thường xuyên liên lạc với anh L qua điện thoại nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh L ở chỗ nào tại Nhật Bản vì anh L không nói cho bà biết. Do vậy, bà H không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh L cho Tòa án. Bà H cũng đã nhận thay và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh L được biết. Việc chị N làm đơn xin ly hôn anh L, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: bà H xác nhận anh L và chị N có 02 con chung là cháu Nguyễn G, sinh ngày 26/10/2019 và cháu Nguyễn Minh C, sinh ngày 13/9/2021. Bà H cũng đã thông báo cho anh L biết về yêu cầu khởi kiện của chị N và anh L có nói lại với bà là hiện nay anh L đang ở nước ngoài không thể về Việt Nam giải quyết ly hôn được nên anh L đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh chị theo quy định pháp luật. Về vấn đề con chung anh L nhất trí với yêu cầu của chị N, do anh L đang ở nước ngoài nên anh L ủy quyền cho bà H thay mặt anh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu G cho đến khi anh L trở về Việt Nam. Bà H cũng hoàn toàn nhất trí với nguyện vọng về con chung của chị N, bà đề nghị Tòa án giao cháu G cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi chị N, anh L ly hôn và tạm giao cháu G cho bà tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh L ở nước ngoài. Trong thời gian bà H nuôi dưỡng, chăm sóc cháu G bà không yêu cầu ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị N. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Hà Thị N được ly hôn anh Nguyễn Chí L. Về con chung: giao cháu Nguyễn G cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu C cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tam giao cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu G trong thời gian anh L đi lao động ở nước ngoài. Về tài sản, công nợ chung: không đặt ra xem xét. Về án phí: chị Hà Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Hà Thị N nộp đơn xin ly hôn anh Nguyễn Chí L tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, chị N trình bày hiện anh L đang ở nước ngoài. Tại văn bản số 7894/QLXNC-P3 ngày 22/4/2024 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp thông tin: “*Nguyễn Chí L, sinh ngày 14/5/1999, đã xuất cảnh ngày 15/01/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước*”. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh S.

Trong vụ án này anh L không có mặt ở Việt Nam và chị N đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Hà Thị N và anh Nguyễn Chí L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Việt Trì, tỉnh S vào ngày 17/5/2019. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị N và anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Hội đồng xét xử thấy rằng chị N và anh L đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống xa nhau không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị N được chấp nhận.

Chị N đề nghị xin ly hôn với anh L và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh L tại Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài cho Tòa án được. Tòa án đã làm việc thông qua thân nhân của anh L là bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ anh L). Bà H cung cấp thông tin như sau: hiện tại bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh L nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài vì anh L không nói cho bà được biết. Do vậy bà H không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh L cho Tòa án được. Bà H cũng nhất trí nhận thay anh L các văn bản tố tụng và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh L biết. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

- Về con chung: hồ sơ thể hiện chị N và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn G, sinh ngày 26/10/2019 và cháu Nguyễn Minh C, sinh ngày 13/9/2021. Sau khi ly hôn chị N đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn G cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu C cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh L ở nước ngoài chị N đề nghị Tòa án tạm giao cháu G cho bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay anh L đang ở nước ngoài, cháu G đang được bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H cũng hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện về con chung của chị N. Do vậy, cần giao cho anh L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu G và giao cháu C cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh L ở nước ngoài thì bà H vẫn tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu G cho đến khi anh L trở về Việt Nam là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[3] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Hà Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Chí L.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: giao cho anh Nguyễn Chí L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn G, sinh ngày 26/10/2019 và giao cho chị Hà Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh C, sinh ngày 13/9/2021 cho đến khi các con chung thành niên. Tạm giao cháu G cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trong thời gian anh L ở nước ngoài đến khi anh L về nước sẽ bàn giao lại cháu G cho anh L nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh Nguyễn Chí L và chị Hà Thị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Hà Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Hà Thị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000290 ngày 04/5/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh S.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: đương sự ở Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của đương sự ở nước ngoài là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh S;
- Cục THADS tỉnh S;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Viết Anh